

Bản án số: 1716/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25/12/2019

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Sáu
2. Ông Võ Thành Viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 537/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 326/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 281/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2019 và số 317/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T D, sinh năm 1987; cư trú tại: Đường A, Phường B, quận G, Thành phố H (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Dương Văn N, sinh năm 1986; cư trú tại: Đường A, Phường B, quận G, Thành phố H (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 04 tháng 4 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị T D trình bày:

Chị Trần Thị T D và anh Dương Văn N tự nguyện quen biết, tìm hiểu, yêu thương nhau từ năm 2005 và tiến tới hôn nhân năm 2010, có tổ chức lễ cưới, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh P cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 74, quyền số 01/2010 ngày 23 tháng 8 năm 2010. Chị Trần Thị T D và anh Dương Văn N có 02 con chung là cháu Dương Hoàng S T, sinh ngày 26/4/2012 và cháu Dương Phúc L, sinh ngày 19/10/2014.

Trong quá trình chung sống, chị Trần Thị T D và anh Dương Văn N chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2013 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, anh Dương Văn N sống thiếu trách nhiệm, ích kỷ, có hành động bạo lực và đe dọa đến mạng sống của vợ và gia đình. Chị Trần Thị T D đã nỗ lực hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Chị Trần Thị T D đã từng nhiều lần nộp đơn khởi kiện ra Tòa án yêu cầu ly hôn với anh Dương Văn N nhưng được Tòa án động viên hàn gắn tình cảm nên chị rút lại đơn khởi kiện để tạo cơ hội cho anh Dương Văn N sửa đổi, hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng đến nay anh Dương Văn N vẫn không thay đổi, tình cảm vợ chồng của anh chị không thể hàn gắn được. Chị Trần Thị T D không còn yêu thương, quan tâm đến anh Dương Văn N nữa. Hiện nay mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nên chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Văn N để ổn định cuộc sống về sau.

Trong quá trình vợ chồng chị Trần Thị T D và anh Dương Văn N chung sống có mâu thuẫn thì chính quyền địa phương nơi vợ chồng chị cư trú đều biết.

Về con chung: Chị Trần Thị T D và anh Dương Văn N có 02 con chung là cháu Dương Hoàng S T, sinh ngày 26/4/2012 và cháu Dương Phúc L, sinh ngày 19/10/2014. Nếu được ly hôn, chị yêu cầu để anh Dương Văn N trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Dương Hoàng S T và cháu Dương Phúc L, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 5.000.000 đồng/tháng (cấp dưỡng nuôi mỗi con là 2.500.000 đồng/tháng) cho đến khi con chung đến tuổi trưởng thành. Hiện nay, 02 con chung đang ở với anh Dương Văn N, do anh Dương Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Mặt khác, chị Trần Thị T D kinh doanh bất động sản nên có thu nhập cao ổn định, có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con, còn anh Dương Văn N hiện nay làm gì thì chị không biết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị T D không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Anh Dương Văn N trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa như sau: Anh Dương Văn N thống nhất với ý kiến như chị Trần Thị T D trình bày về thời gian kết hôn và có 02 con chung là cháu Dương Hoàng S T, sinh ngày 26/4/2012 và cháu Dương Phúc L, sinh ngày 19/10/2014. Trong thời gian chung sống, anh chị có cãi vã, giận hờn nhau nhưng không ảnh hưởng đến cuộc sống vợ chồng. Do chị Trần Thị T D có tình cảm với người khác nên muốn ly hôn với anh. Anh Dương Văn N vẫn còn yêu thương chị Trần Thị Thúy D, quan tâm đến chị và 02 con chung của anh chị còn nhỏ lại rất cần có cả bố mẹ ở bên cạnh nên anh không đồng ý ly hôn với chị, anh mong được hàn gắn tình cảm với chị để cùng nuôi dạy con cái. Trường hợp chị Trần Thị T D kiên quyết ly hôn với anh thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung của anh chị đến tuổi trưởng thành, công việc của anh làm có đủ thu nhập để nuôi dưỡng con cái, chị Trần Thị T D có cấp dưỡng nuôi con chung hay không là tùy chị, tuy nhiên chị Trần Thị T D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng nêu trên thì anh đồng ý. Về tài sản chung và nợ chung anh Dương Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa: Chị Trần Thị T D và anh Dương Văn N đều có mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu, ý kiến của mình.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh:*

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về ly hôn, anh Dương Văn N cư trú ở quận G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, các đương sự thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T D xin ly hôn với anh Dương Văn N là có cơ sở nên Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thúy D, công nhận chị Trần Thị T D được ly hôn với anh Dương Văn N, giao 02 con chung cho anh Dương Văn N trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Quan hệ tranh chấp giữa chị Trần Thị T D và anh Dương Văn N là ly hôn, nuôi con chung. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh Dương Văn N có địa chỉ cư trú tại Đường A, Phường B, quận G, Thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án triệu tập anh Dương Văn N, chị Trần Thị T D tham gia phiên tòa xét xử vào lúc 08 giờ 00 ngày 25/12/2019, tại phiên tòa hôm nay các đương sự có mặt đầy đủ.

[2]. Về yêu cầu của các đương sự:

Chị Trần Thị T D yêu cầu ly hôn với anh Dương Văn N. Hôn nhân giữa chị Trần Thị T D và anh Dương Văn N là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp, được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 74, quyền số 01/2010 ngày 23 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh P.

Chị Trần Thị T D trình bày trong quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2013 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, anh Dương Văn N sống thiếu trách nhiệm, ích kỷ, có hành

động bạo lực và đe dọa đến mạng sống của vợ và gia đình. Chị Trần Thị T D đã nỗ lực hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Chị Trần Thị T D không còn yêu thương, quan tâm đến anh Dương Văn N nữa. Hiện nay mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nên chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Văn N để ổn định cuộc sống về sau. Anh Dương Văn N trình bày trong quá trình sống chung, anh chị có cãi vã, giận hờn nhau nhưng không ảnh hưởng đến cuộc sống vợ chồng. Do chị Trần Thị T D có tình cảm với người khác nên muốn ly hôn với anh. Anh Dương Văn N vẫn còn yêu thương chị Trần Thị Thúy D, quan tâm đến chị và 02 con chung của anh chị còn nhỏ lại rất cần có cả bố mẹ ở bên cạnh nên anh không đồng ý ly hôn với chị, anh mong được hàn gắn tình cảm với chị để cùng nuôi dạy con cái.

Tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị T D và anh Dương Văn N tại Hội liên hiệp phụ nữ Phường 14, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, kết quả xác minh xác nhận từ năm 2017 đến nay, chị Trần Thị T D đã chuyển ra ở riêng và anh chị có 02 con chung. Thời gian trước năm 2017, anh chị thường xuyên mâu thuẫn có Công an khu vực xuống giải quyết. Nguyên nhân mâu thuẫn thì Hội liên hiệp phụ nữ Phường 14, quận Gò Vấp không biết rõ.

Xét thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình thương yêu giữa hai vợ chồng, cùng vun đắp, chăm sóc lẫn nhau để xây dựng một gia đình hạnh phúc. Thực tế, giữa chị Trần Thị T D và anh Dương Văn N đã sống ly thân, chị Trần Thị T D đã từng nhiều lần nộp đơn khởi kiện ra Tòa án yêu cầu ly hôn với anh Dương Văn N nhưng được Tòa án động viên hàn gắn tình cảm nên chị rút lại đơn khởi kiện để tạo cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng đến nay tình cảm vợ chồng của anh chị không thể hàn gắn được. Chị Trần Thị T D tha thiết yêu cầu được ly hôn với anh Dương Văn N, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị Trần Thị T D và anh Dương Văn N đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được, chị Trần Thị T D thực sự không còn yêu thương, không quan tâm đến anh Dương Văn N nữa. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị T D với anh Dương Văn N là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên cho thấy cuộc sống vợ chồng giữa chị Trần Thị T D với anh Dương Văn N hoàn toàn không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T D với anh Dương Văn N là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị T D với anh Dương Văn N.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị Trần Thị T D và anh Dương Văn N có 02 con chung là cháu Dương Hoàng S T, sinh ngày 26/4/2012 và cháu Dương Phúc L, sinh ngày 19/10/2014. Chị Trần Thị T D yêu cầu để anh Dương Văn N trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Dương Hoàng S T và cháu Dương Phúc L, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 5.000.000 đồng/tháng (cấp dưỡng nuôi mỗi con là 2.500.000 đồng/tháng) cho đến khi con chung đến tuổi trưởng thành. Anh Dương Văn N cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung

trong trường hợp chị Trần Thị T D cương quyết ly hôn và anh không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên chị Trần Thị T D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng nêu trên thì anh đồng ý. Tòa án cũng tham khảo ý kiến của cháu Dương Hoàng S T đã đủ 07 tuổi thì cháu có nguyện vọng muốn được ở với cả bố mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy, chị Trần Thị T D và anh Dương Văn N cùng tự nguyện thống nhất giao 02 con chung cho anh Dương Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, hiện nay 02 con chung đang ở với anh Dương Văn N. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung là cháu Dương Hoàng S T và cháu Dương Phúc L cho anh Dương Văn N được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành là phù hợp với nguyện vọng, điều kiện của anh chị, đảm bảo tốt nhất cho cuộc sống của 02 trẻ về mặt thể chất cũng như tinh thần; ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung của chị Trần Thị T D là 5.000.000 đồng/tháng (cấp dưỡng nuôi mỗi con là 2.500.000 đồng/tháng) cho đến khi con chung đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị T D và anh Dương Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã gửi hợp lệ Thông báo đề ngày 24/9/2019 về việc nộp yêu cầu phản tố nếu có tranh chấp tài sản chung, nợ chung của vợ chồng cho anh Dương Văn N nhưng anh Dương Văn N không có phản hồi. Sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh Dương Văn N nộp đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại khoản 7 Điều 114 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đã ra Thông báo số 08/2019/TB-TA ngày 20/12/2019 không chấp nhận yêu cầu này của anh Dương Văn N vì đối tượng tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn và con chung, các đương sự không tranh chấp về tài sản chung của vợ chồng.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị T D phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật phí, lệ phí Tòa án.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh về quan hệ hôn nhân của chị Trần Thị T D và anh Dương Văn N, việc nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử thống nhất.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T D được ly hôn với anh Dương Văn N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 74, quyển số 01/2010 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh P cấp ngày 23 tháng 8 năm 2010 không còn hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Dương Hoàng S T, sinh ngày 26/4/2012 và cháu Dương Phúc L, sinh ngày 19/10/2014. Giao 02 con chung là cháu Dương Hoàng S T và cháu Dương Phúc L cho anh Dương Văn N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi 02 trẻ đến tuổi trưởng thành. Chị Trần Thị T D cấp dưỡng nuôi 02 con chung cháu Dương Hoàng S T và cháu Dương Phúc L là 5.000.000 đồng/tháng (cấp dưỡng nuôi mỗi trẻ là 2.500.000 đồng/tháng) cho đến khi con chung đến tuổi trưởng thành. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con từ tháng 01 năm 2020, thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Chị Trần Thị T D được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này của chị Trần Thị Thúy D.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày anh Dương Văn N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Trần Thị T D chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng chị Trần Thị T D còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị T D và anh Dương Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị T D phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Trần Thị T D đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0000595 ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, chị Trần Thị T D đã nộp đủ tiền án phí ly hôn. Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị Trần Thị T D phải nộp.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị T D, bị đơn anh Dương Văn N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND quận Gò Vấp;
- Thi hành án DS quận Gò Vấp;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS (Hoài).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Đặng Thị Tám